

Số: /TTr- UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương  
thị xã Vĩnh Châu năm 2021**

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu trong 6 tháng đầu năm 2021 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách thị xã Vĩnh Châu so với dự toán đã phân bổ đầu năm như: ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thị xã; kết dư theo số kết toán khóa sổ thu, chi ngân sách thị xã sau thời gian chỉnh lý và chuyển nguồn năm trước chuyển sang.

Theo quy định tại khoản 5, Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về nội dung hạch toán thuế thu nhập cá nhân.

Căn cứ quy định và tình hình phát sinh nêu trên; Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, quyết định điều chỉnh tăng dự toán thu, chi ngân sách địa phương, thị xã Vĩnh Châu năm 2021 cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu năm 2021 là 115.590 triệu đồng, nâng tổng dự toán thu ngân sách nhà nước sau khi điều chỉnh là 625.118 triệu đồng, trong đó:

a) Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh là 39.050 triệu đồng.

b) Tăng dự toán thu kết dư ngân sách địa phương là 56.824 triệu đồng (theo số liệu kết toán khóa sổ thu, chi ngân sách sau thời gian chỉnh lý quyết toán); trong đó kết dư ngân sách thị xã là 52.700 triệu đồng, ngân sách xã, phường là 4.124 triệu đồng.

c) Tăng dự toán thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang 19.716 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 là 115.590 triệu đồng, nâng tổng dự toán chi sau khi điều chỉnh là 625.118 triệu đồng, trong đó:

a) Tăng dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách tỉnh là 39.050 triệu đồng.

b) Tăng dự toán chi từ khoản kết dư của ngân sách thị xã là 52.700 triệu đồng.

c) Tăng dự toán chi từ khoản kết dư của ngân sách xã, phường là 4.124 triệu đồng.

d) Tăng dự toán chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang 19.716 triệu đồng.

Ngoài ra, trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2021, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh), đề nghị Hội đồng nhân dân thị xã giao cho Ủy ban nhân dân thị xã trao đổi thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã cuối năm 2021.

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2021, Ủy ban nhân dân thị xã trình trước kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, kỳ họp thứ nhất xem xét, quyết định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Ban KT-XH HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC.

*John*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Hoàng Thắng**



**Phụ lục 01****ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2021***(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)**ĐVT: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán thu NSNN giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán thu NSNN	Dự toán thu NSNN sau khi điều chỉnh
A	B		3	4=1+3
	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước</b>	<b>509.528</b>	<b>115.590</b>	<b>625.118</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp</b>	<b>46.190</b>		<b>46.190</b>
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh</b>	<b>463.338</b>	<b>39.050</b>	<b>502.388</b>
<b>1</b>	<b>Thu bổ sung cân đối</b>	<b>397.756</b>		<b>397.756</b>
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung có mục tiêu</b>	<b>65.582</b>	<b>39.050</b>	<b>104.632</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính Phủ năm 2021		19.544	19.544
1.2	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi		161	161
1.3	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi		7.700	7.700
1.4	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường thời kỳ 1975-2015		50	50
1.5	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)		570	570
1.6	Kinh phí thực hiện quản lý quản lý, tuyên truyền và Hội thi "tuyên đường nông thôn mới kiểu mẫu" thuộc CTMTQG XDNTM		180	180

STT	Nội dung	Dự toán thu NSNN giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán thu NSNN	Dự toán thu NSNN sau khi điều chỉnh
1.7	Kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng cho người lao động năm 2021		450	450
1.8	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 2) QĐ 09/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBBC tỉnh ST)		1.756	1.756
1.9	Kinh phí thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới đường 30 tháng 4 thị xã Vĩnh Châu		1.114	1.114
1.10	Kinh phí tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		30	30
1.11	Kinh phí thực hiện dự án Trường Tiểu học Lạc Hòa 2, thị xã Vĩnh Châu		7.000	7.000
1.12	Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/4/2021		79	79
1.13	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2021		100	100
1.14	Kinh phí phục vụ công tác tùy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn		10	10
1.15	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 4)		255	255
1.16	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường thời kỳ 1975-2015		50	50
<b>III</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>56.824</b>	<b>56.824</b>
<b>1</b>	<b>Thu kết dư ngân sách thị xã</b>		<b>52.700</b>	<b>52.700</b>

STT	Nội dung	Dự toán thu NSNN giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán thu NSNN	Dự toán thu NSNN sau khi điều chỉnh
1.1	Nguồn thu vượt ngân sách năm 2019		1.080	1.080
1.2	Thu vượt ngân sách năm 2020		1.760	1.760
	Trong đó: Thu vượt tiền sử dụng đất		1.646	1.646
1.3	Dự toán chi đầu tư còn lại		1.998	1.998
1.4	Nguồn cải cách tiền lương		5.415	5.415
1.4	Nguồn thu bổ sung có mục tiêu năm trước chuyển sang		6.515	6.515
1.5	Dự toán chi thường xuyên năm 2020 và kết dư ngân sách năm 2019 còn lại		32.413	32.413
1.6	Dự phòng ngân sách năm 2020 mang sang		2.900	2.900
1.7	Nguồn kinh phí thực hiện các CTMTQG		619	619
<b>2</b>	<b>Kết dư ngân sách xã, phường</b>		<b>4.124</b>	<b>4.124</b>
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>19.716</b>	<b>19.716</b>



**Phụ lục 02**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2021**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)*

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
	<b>Tổng chi ngân sách địa phương</b>	<b>509.528</b>	<b>115.590</b>	<b>625.118</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>35.505</b>		<b>35.505</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>393.570</b>	-	<b>393.570</b>
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>8.705</b>		<b>8.705</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>6.166</b>		<b>6.166</b>
<b>V</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>65.582</b>	<b>39.050</b>	<b>104.632</b>
<b>1</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>			-
<b>2</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>		<b>39.050</b>	<b>39.050</b>
2.1	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính Phủ năm 2021		19.544	19.544
2.2	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi		161	161
2.3	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi		7.700	7.700
2.4	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường thời kỳ 1975-2015		50	50
2.5	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)		570	570
2.6	Kinh phí thực hiện quản lý quản lý, tuyên truyền và Hội thi tuyển đường nông thôn mới kiểu mẫu" thuộc CTMTQG XDNTM		180	180

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
2.7	Kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng cho người lao động năm 2021		450	450
2.8	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 2)		1.756	1.756
2.9	Kinh phí thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Đường 30 tháng 4 thị xã Vĩnh Châu		1.114	1.114
2.10	Kinh phí tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		30	30
2.11	Kinh phí thực hiện dự án Trường Tiểu học Lạc Hòa 2, thị xã Vĩnh Châu		7.000	7.000
2.12	Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/4/2021		79	79
2.13	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2021		100	100
2.14	Kinh phí phục vụ công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn		10	10
2.15	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 4)		255	255
2.16	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường thời kỳ 1975-2015		50	50
<b>VI</b>	<b>Chi kết dư ngân sách thị xã</b>		<b>52.700</b>	<b>52.700</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>		<b>4.838</b>	<b>4.838</b>
	Trong đó, gồm các nguồn:		-	-
1.1	Thu vượt ngân sách năm 2020		1.760	1.760



STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
	Trong đó: thu vượt tiền sử dụng đất		1.646	1.646
1.2	Thu vượt ngân sách năm 2019		1.080	1.080
1.3	Vốn đầu tư năm trước còn lại		1.998	1.998
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>		<b>40.698</b>	<b>40.698</b>
2.1	Chi cải cách tiền lương		5.415	5.415
-	10% chi thường xuyên đầu năm 2020		1.038	1.038
-	20% tăng thu ngân sách năm 2019		1.487	1.487
-	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2020		464	464
-	Nguồn thực hiện CCTL các năm trước còn lại		2.426	2.426
2.2	Chi cải tạo, nâng cấp trụ sở Thị ủy Vĩnh Châu		1.870	1.870
2.3	Chi giải phóng mặt bằng trụ sở UBND xã Lạc Hòa		1.150	1.150
2.4	Sự nghiệp giáo dục		9.141	9.141
2.5	Sự nghiệp Đào tạo (sửa chữa Trung tâm chính trị)		267	267
2.6	Sự nghiệp kinh tế		6.000	6.000
2.7	Chuyển vốn ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác		1.500	1.500
2.8	Chuyển vốn ủy thác qua Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân thị xã để cho vay đối với hội viên nông dân thực hiện dự án.		230	230



STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
2.9	Chi thực hiện các chính sách		6.520	6.520
2.10	Chi cải cách hành chính		200	200
2.11	Chi thực hiện phòng, chống dịch		500	500
2.12	Bổ sung các nhiệm vụ chi: mua sắm sửa chữa thiết bị, tài sản duy trì hoạt động thường xuyên; thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực chi phát sinh		7.901	7.901
<b>3</b>	<b>Nguồn thu bổ sung có mục tiêu năm trước chuyển sang</b>		<b>7.164</b>	<b>7.164</b>
3.1	Vốn thực hiện CTMTQG XD NTM		646	646
3.2	Vốn thực hiện CTMTQG giảm nghèo		3	3
3.3	Nguồn bổ sung mục tiêu theo nhiệm vụ		6.515	6.515
-	Chi thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP		2.670	2.670
-	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 công tác thủy lợi nội đồng (QĐ 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020)		53	53
-	Kinh phí tổ chức hội thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng (QĐ 969/QĐ-UBND ngày 09/4/2020)		30	30
-	Kinh phí để thực hiện công trình khắc phục sạt lở bờ Sông nguy hiểm (QĐ 1118/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)		5	5
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM năm 2020 từ nguồn vốn xổ số kiến thiết (QĐ 1111/QĐ-UBND ngày 22/4/2020)		202	202

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán đầu năm giao</b>	<b>Điều chỉnh dự toán</b>	<b>Dự toán sau khi điều chỉnh</b>
-	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề năm 2020 ( QĐ 1200/QĐ-UBND ngày 05/5/2020)		52	52
-	Kinh phí hỗ trợ phòng, chống hạn hán thiếu nước xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ( QĐ 1463/QĐ-UBND ngày 29/5/2020) của CT UBND tỉnh Sóc Trăng		47	47
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi (QĐ 1664/QĐ-UBND ngày 23/6/2020)		226	226
-	Kinh phí quản lý triển khai chính sách nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg (QĐ 1908/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng)		131	131
-	Kinh phí thực hiện chỉnh trang đô thị (QĐ 1966/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)		2.787	2.787
-	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG XDNTM từ nguồn vốn XSKT (QĐ 2115 ngày 06/8/2020 của CT UBND tỉnh ST)		259	259
-	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề năm 2020 (QĐ 1200/QĐ-UBND ngày 05/5/2020)		52	52
<b>VII</b>	<b>Chi kết dư ngân sách xã, phường năm 2020</b>		<b>4.124</b>	<b>4.124</b>
<b>VIII</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>19.716</b>	<b>19.716</b>